

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

TỔNG QUAN KHOA HỌC
ĐỀ TÀI CẤP BỘ NĂM 2003 - 2004

**KẾ THỪA VÀ PHÁT TRIỂN TRUYỀN THỐNG
ĐẠI ĐOÀN KẾT CỦA DÂN TỘC VIỆT NAM
TRONG CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI HIỆN NAY**

Cơ quan chủ trì: Viện Lịch sử Đảng
Chủ nhiệm đề tài: TS. Nguyễn Quốc Bảo.
Thư ký đề tài: Ths. Nguyễn Đình Cả

Hà Nội 12 – 2004

DANH SÁCH CỘNG TÁC VIÊN THAM GIA ĐỀ TÀI

1. TS. Nguyễn Quốc Bảo.
2. Ths. Nguyễn Đình Cả
3. Ths. Đinh Chế
4. Ths. Lê Thị Minh Hạnh
5. TS. Trần Thị Thu Hương
6. CN. Trần Thị Mỹ Hương
7. CN. Phạm Đức Kiên
8. CN. Trần Đức Lân
9. GS, TS. Trịnh Nhu
10. PGS, TS. Nguyễn Trọng Phúc
11. Th.s Nguyễn Thị Thanh
12. Ths. Lê Thị Tình

MỤC LỤC

- 1 Những giá trị truyền thống cộng đồng dân tộc Việt Nam
TS. Trần Thị Thu Hương
- 2 Những giá trị văn hoá góp phần hình thành truyền thống đại đoàn kết của dân tộc Việt Nam.
ThS. Lê Thị Minh Hạnh
- 3 Đại đoàn kết dân tộc là cội nguồn và động lực của sự phát triển.
CN. Trần Thị Mỹ Hương
CN. Phạm Đức Kiên
- 4 Đại đoàn kết dân tộc trong sự nghiệp cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.
CN. Trần Đức Lân
- 5 Đại đoàn kết dân tộc trong xây dựng xã hội chủ nghĩa và công cuộc đổi mới.
ThS. Nguyễn Thị Thanh.
- 6 Sự vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết trong thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước của Đảng Cộng sản Việt Nam.
ThS. Lê Thị Tình.
- 7 Đảng Cộng sản Việt Nam - hạt nhân lãnh đạo khối đại đoàn kết toàn dân tộc.
PGS,TS Nguyễn Trọng Phúc.
- 8 Đảng Cộng sản Việt Nam xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc trên cơ sở liên minh công nhân - nông dân - trí thức.
GS, TS. Trịnh Nhu.
- 9 Đẩy mạnh xây dựng, củng cố và phát triển các hình thức, tổ chức, tập hợp quần chúng vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng dân chủ văn minh.
ThS Nguyễn Đình Cả.

- 10 Đại đoàn kết dân tộc trong tiến trình hội nhập và phát triển
ThS. Đinh Chế.
- 11 Một số vấn đề đặt ra với việc kế thừa và phát triển truyền thống đại đoàn kết của dân tộc ta trong công cuộc đổi mới hiện nay.
TS. Nguyễn Quốc Bảo

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài.

Lịch sử hàng ngàn năm dựng nước, giữ nước của dân tộc là sự nối tiếp những cuộc đấu tranh chống thiên tai, chống các cuộc chiến tranh xâm lược của các đế chế phương Bắc và các nước thực dân đế quốc tư bản chủ nghĩa. Những cuộc vật lộn, đấu tranh sinh tử đó đã sớm hình thành ở người Việt Nam sự cố kết cộng đồng. Ý thức cộng đồng dân tộc phát triển và trở thành sức mạnh đoàn kết dân tộc. Đoàn kết và phát huy sức mạnh đoàn kết đã thấm vào máu thịt của mỗi người Việt Nam, được trân trọng giữ gìn, bổ sung, phát triển từ đời này sang đời khác.

Truyền thống đoàn kết của dân tộc Việt Nam còn được hình thành từ những cội nguồn lịch sử sâu xa. Người Việt Nam ý thức rằng, mình sinh ra trong cùng một bọc, gắn bó với nhau bởi từ "đồng bào". Người Việt Nam - dù sống ở trên miền rừng núi hay vùng đồng bằng, trung du, miền biển, trong hay ở nước ngoài - đều có chung cội nguồn, có chung một ngày giỗ Tổ Hùng Vương. Lịch sử dựng nước và giữ nước của nhân dân ta cũng cho thấy ở thời kỳ nào mà nhân dân đoàn kết, "trên dưới một lòng" thì đất nước hưng thịnh. Ở thời kỳ nào mà "lòng dân ly tán, chia rẽ và loạn ly" là lúc mà dân tộc suy vong, thù trong, giặc ngoài, có nguy cơ mất nước.

Hơn 70 năm qua, từ ngày thành lập đến nay, Đảng ta luôn luôn xác định sứ mệnh kế thừa và phát huy truyền thống tốt đẹp đó. Đại đoàn kết là một nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam. Truyền thống đoàn kết dân tộc đó được phát huy trong cuộc đấu tranh trường kỳ, gian khổ giành và giữ nền độc lập dân tộc. Ngày nay, trong sự nghiệp đổi mới, quá độ lên chủ nghĩa xã hội, đoàn kết đã trở thành truyền thống quý báu của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân Việt Nam.

Trong *Di chúc*, Hồ Chí Minh viết: "Đoàn kết là truyền thống cực kỳ quý báu của Đảng và dân ta. Các đồng chí từ Trung ương đến các chi bộ cần phải giữ gìn sự đoàn kết nhất trí của Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình"¹. Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội do Đại hội VII (1991) thông qua khẳng định: "Đoàn kết là truyền thống quý báu và bài học lớn của cách mạng nước ta". Tổng kết bài học kinh nghiệm 15 năm đổi mới vừa qua, Báo cáo Chính trị Đại hội IX đã viết: "Để công cuộc đổi mới thành công phải động viên được mọi tầng lớp nhân dân và các thành phần kinh tế tham gia"². Gần đây nhất, Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ bảy (khoá IX) lại tiếp tục khẳng định và coi đó là "nhân tố quan trọng thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững ổn định chính trị - xã hội của đất nước"³. Chính vì Đại đoàn kết dân tộc có ý nghĩa quan trọng như vậy, nên việc đi sâu nghiên cứu đề tài *"Kế thừa và phát huy truyền thống đại đoàn kết của dân tộc Việt Nam trong công cuộc đổi mới hiện nay"* là một yêu cầu cấp thiết, vừa góp phần nâng cao hơn nữa nội dung, chất lượng nghiên cứu, giảng dạy bộ môn Lịch sử Đảng đang đảm nhiệm, vừa có ý nghĩa lý luận và thực tiễn nhằm kế thừa và phát huy truyền thống tốt đẹp đó của dân tộc trong công cuộc đổi mới hiện nay.

1. Mục tiêu nghiên cứu.

Xác định rõ nội dung của truyền thống Đại đoàn kết dân tộc, từ đó nghiên cứu những mặt tác động tích cực, những hạn chế và đề xuất những giải pháp, định hướng trong quá trình lãnh đạo của Đảng để kế thừa và phát huy truyền thống đó trong công cuộc đổi mới hiện nay.

2. Nội dung nghiên cứu.

- Nghiên cứu những cơ sở hình thành truyền thống Đại đoàn kết dân tộc.

¹. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 1996, tập 12, tr 497.

². ĐCSVN, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb CTQG, H, 2001, tr 82.

³ ĐCSVN, *Văn kiện Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khoá IX*, Nxb CTQG, H, 2003, tr 10.

- Những nội dung và biểu hiện cụ thể của truyền thống đại đoàn kết dân tộc.
- Vai trò của khối Đại đoàn kết dân tộc trong tiến trình phát triển của lịch sử dân tộc.
- Một số định hướng, giải pháp cho việc kế thừa, phát triển truyền thống Đại đoàn kết trong công cuộc đổi mới hiện nay.

3. Phương pháp nghiên cứu.

Vận dụng phương pháp nghiên cứu tổng hợp mang tính chất liên ngành, trong đó phương pháp chủ yếu là phương pháp lịch sử, phương pháp lôgic, kết hợp với các phương pháp khác như phương pháp thống kê, so sánh, phương pháp điều tra xã hội học qua khảo sát thực tế để đưa ra những luận cứ, luận chứng bảo đảm tính xác thực và độ tin cậy.

4. Kết cấu của đề tài.

Theo 3 nội dung chính:

- Cơ sở hình thành truyền thống Đại đoàn kết dân tộc của dân tộc Việt Nam.
- Sức mạnh của truyền thống đại đoàn kết trong lịch sử dân tộc Việt Nam.
- Một số định hướng, giải pháp cho việc kế thừa, phát triển truyền thống Đại đoàn kết dân tộc trong công cuộc đổi mới hiện nay.

BÁO CÁO TỔNG QUAN KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU ĐỀ TÀI

Thực hiện Quyết định số 154-2003/QĐ-HV CTQG ngày 27-5-2003 của Giám đốc Học viện. Đề tài: *Kế thừa và phát triển truyền thống Đại đoàn kết của dân tộc Việt Nam trong công cuộc đổi mới hiện nay* do TS Nguyễn Quốc Bảo - Phó trưởng ban Giảng dạy Viện Lịch sử Đảng, làm chủ nhiệm đã được triển khai bắt đầu từ tháng 6 năm 2003. Đến nay (6-2004), sau một năm thực hiện, đề tài đã hoàn thành đảm bảo đúng thời gian qui định. Thay mặt nhóm thực hiện đề tài, Chủ nhiệm đề tài xin phép được trình bày bản báo cáo tổng quan kết quả nghiên cứu đề tài.

Báo cáo gồm 2 phần:

Phần thứ nhất:

QUÁ TRÌNH TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐỀ TÀI

Sau khi nhận được quyết định của Giám đốc giao cho việc thực hiện đề tài, ngày 6-6-2003, chủ nhiệm đề tài đã ký với Vụ quản lý khoa học bản Hợp đồng khoa học trong đó xác định rõ trách nhiệm của bên thực hiện đề tài phải hoàn thành đúng theo các mục tiêu, nội dung, tiến độ, sản phẩm đã được ghi trong bản thuyết minh nghiên cứu đề tài.

Tháng 8-2003, Chủ nhiệm đề tài đã tổ chức buổi họp đầu tiên với các cộng tác viên để lấy ý kiến xung quanh vào các vấn đề: Đề tài sẽ có bao nhiêu chuyên đề ? Nội dung của từng chuyên đề ? Số lượng người tham gia?

Tháng 9-2003, Chủ nhiệm đề tài và các cộng tác viên đã thảo luận và nhất trí thông qua.

1. Đề tài gồm 3 nội dung lớn, cần tập trung làm rõ:

- Cơ sở hình thành truyền thống đại đoàn kết của dân tộc Việt Nam
- Sức mạnh của truyền thống đại đoàn kết trong lịch sử dân tộc Việt

Nam.

- Phát huy truyền thống đại đoàn kết dân tộc trong công cuộc đổi mới hiện nay.

2. Đề tài gồm có 11 chuyên đề.

- Những giá trị truyền thống cộng đồng dân tộc Việt Nam.
- Những giá trị văn hoá Việt Nam góp phần hình thành truyền thống đại đoàn kết, của dân tộc Việt Nam.
- Đại đoàn kết dân tộc là cội nguồn sức mạnh và động lực của sự phát triển.
- Đại đoàn kết dân tộc trong sự nghiệp cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.
- Đại đoàn kết dân tộc trong công cuộc xây dựng CNXH và đổi mới.
- Sự vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước của Đảng Cộng sản Việt Nam.
- Đảng Cộng sản Việt Nam - hạt nhân lãnh đạo khối đại đoàn kết toàn dân tộc.
- Đảng Cộng sản Việt Nam xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc trên cơ sở liên minh công nhân- nông dân- trí thức.
- Đẩy mạnh xây dựng, củng cố và phát triển các hình thức tổ chức, tập hợp quần chúng vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.
- Đại đoàn kết dân tộc trong tiến trình hội nhập và phát triển.
- Một số vấn đề đặt ra đối với việc kế thừa và phát triển truyền thống đại đoàn kết của dân tộc ta trong công cuộc đổi mới hiện nay.

3. Thành phần tham gia: 12 cộng tác viên (thuộc Viện Lịch sử Đảng)

- | | | |
|----------|-------------------|-----------|
| 1. TS. | Nguyễn Quốc Bảo - | Chủ nhiệm |
| 2. Th.s | Nguyễn Đình Cả - | Thư ký |
| 3. GS.TS | Trịnh Nhu | |

4. PGS.TS Nguyễn Trọng Phúc
5. Th.s Đinh Chế
6. TS Trần Thị Thu Hương
7. GVC Trần Đức Lân
8. Th.s Nguyễn Thị Thanh
9. Th.s Lê Thị Tình
10. Th.s Lê Minh Hạnh
11. CN Phạm Đức Kiên
12. CN Trần Mỹ Hương

Trên cơ sở các chuyên đề được xác định, các cộng tác viên tự lựa chọn, đăng ký và ký hợp đồng với Chủ nhiệm đề tài.

Tháng 3-2004, các chuyên đề hoàn thành bản thảo lần thứ nhất

Tháng 4-2004: Chủ nhiệm đề tài làm việc riêng với tác giả từng chuyên đề. Rà soát những nội dung mà tác giả thể hiện đã bám sát đúng với mục đích, yêu cầu đặt ra của đề tài chưa ? Chuyên đề nào, vấn đề nào cần phải bổ sung, điều chỉnh ?

Tháng 5-2004, các chuyên đề đã hoàn thành bản thảo lần thứ hai, trên cơ sở đã được các tác giả sửa chữa một cách rất công phu, nghiêm túc. Đảm bảo đúng thời gian, tiến độ.

Sản phẩm của đề tài sau khi hoàn thành gồm có:

- 1 Kỷ yếu khoa học đề tài gồm gần 200 trang đánh máy vi tính.
- 1 Tổng quan kết quả nghiên cứu của đề tài.

Để có được kết quả trên, Chủ nhiệm đề tài và các thành viên tham gia đề tài xin bày tỏ sự cảm ơn tới *lãnh đạo Học viện CTQG Hồ Chí Minh*, tới cơ quan quản lý trực tiếp là *Vụ Quản lý khoa học* đã quan tâm, tạo điều kiện cho đề tài được triển khai thực hiện. Xin cảm ơn *lãnh đạo Viện Lịch sử Đảng - đại diện cơ quan chủ đề tài*. Xin cảm ơn tập thể các nhà khoa học, các thành viên tham gia đề tài đã rất nhiệt tình, trách nhiệm, bảo đảm hoàn thành các chuyên đề được giao cả về nội dung cũng như thời gian, tiến độ.

Phần thứ hai: **KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU ĐỀ TÀI**

Như tên đề tài đã xác định, đây là đề tài được tiếp cận từ góc độ lịch sử dân tộc, lịch sử Đảng. Nội dung nghiên cứu của đề tài là làm rõ việc Đảng ta - Đảng Cộng sản Việt Nam kế thừa và phát triển truyền thống đại đoàn kết của dân tộc trong công cuộc đổi mới đất nước. Bởi vậy, để nghiên cứu, làm rõ nội dung cũng như những yêu cầu đặt ra của đề tài, các tác giả đã hướng các chuyên đề theo 3 nội dung.

2.1. Cơ sở hình thành truyền thống đại đoàn kết của dân tộc Việt Nam

Đoàn kết là một truyền thống quý báu và là một nhân tố có ý nghĩa quyết định đối với sự tồn tại và phát triển của dân tộc Việt Nam. Kể từ ngày lập quốc đến nay, nhờ đoàn kết mà dân tộc ta đã vượt qua nhiều thử thách, đánh thắng nhiều kẻ thù xâm lược và đạt được nhiều thành tựu trong sự nghiệp xây dựng đất nước. Vậy truyền thống đó bắt nguồn từ đâu và phải chăng chỉ có dân tộc ta mới có truyền thống đoàn kết ? Thực tế cho thấy, suy cho cùng, mỗi một quốc gia - dân tộc, với bề dày lịch sử khác nhau, để có được những thành tựu trong dựng nước và giữ nước đều phải dựa trên sự liên kết cộng đồng - hay nói rộng hơn - là phải đoàn kết. Như thế, không riêng người Việt Nam mới đoàn kết, cũng không riêng dân tộc Việt Nam mới có truyền thống đoàn kết, mà nó được coi như là một hằng số chung giữa các quốc gia, dân tộc. Tuy nhiên, cái làm nên một truyền thống đoàn kết Việt Nam khác biệt với các cộng đồng quốc gia, dân tộc khác là ở mức độ hết sức chặt chẽ của sự liên kết - cố kết cộng đồng, từ nhà đến làng, từ làng đến nước, đến quốc gia - dân tộc. Bởi vậy mà khi nói về đặc điểm này, Văn kiện Nghị quyết Hội nghị BCH Trung ương lần thứ 5 (khoá VIII) đã khẳng định đó là "Tinh thần đoàn kết ý thức cộng đồng gắn kết cá nhân - gia đình - làng xã - Tổ quốc"¹. Trong diễn văn nhân dịp kỷ niệm 70 năm

¹ - Đảng cộng sản Việt Nam: Văn kiện Hội nghị BCH TƯ lần thứ 5 (khoá VIII), 1998, tr.56-57.

thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam, nguyên Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu cũng đã khẳng định: "Từ thời đại Hùng Vương đến thời đại Hồ Chí Minh, đặc điểm quý báu nhất của khối đại đoàn kết dân tộc ta là toả khắp non sông mà quy về một mối, dựa trên một nền, xoay quanh một trục". Vậy do đâu để có truyền thống này ? Theo đề tài, đó là do bởi những đặc thù của điều kiện tự nhiên và lịch sử mà sự khắc nghiệt của nó khiến cộng đồng cư dân này sẽ không thể tồn tại và phát triển nếu không liên kết - cố kết - đoàn kết chặt chẽ với nhau.

Trước hết là *điều kiện tự nhiên*. Do phải sống trong những điều kiện thiên tai khắc nghiệt: nắng lắm, mưa nhiều, hạn hán bão lụt xảy ra thường xuyên; cấu trúc địa hình phức tạp, vừa có sự chênh lệch về độ cao, lại vừa có sự chia cắt lớn giữa các miền, vùng, nên ngay từ rất sớm, để tồn tại và phát triển, đặc biệt đối với tuyệt đại cư dân mà nguồn sống chính là kinh tế nông nghiệp - trồng lúa nước, thì vấn đề trị thủy và thủy lợi đã sớm trở thành yêu cầu có tính sống còn của người Việt. Để làm thủy lợi, người ta phải làm hệ thống mương phai để dẫn nước hay tháo, thoát nước ra, vào đồng ruộng nhằm bảo đảm đủ nước cho cây lúa phát triển và cho năng suất cao. Còn để trị thủy thì phải đắp đê, mà đê thì có nhiều loại: đê sông (đê chính, đê phụ, đê quai vạc...) và đê biển. Đê sông có tác dụng chính là giữ nước, khỏi ngập lụt, bảo vệ đồng ruộng và đồng thời làm đường giao thông. Đê biển cũng có tác dụng ngăn nước mặn tràn vào đồng nhưng cũng nhằm để lấn biển, biến dần từng khoảnh đất ven biển thành đồng ruộng nước ngọt trồng lúa.

Tất cả các công việc làm thủy lợi và trị thủy như vậy đều có một điểm chung là chúng đòi hỏi sức lao động không phải của một người mà của nhiều người, thấp là của từng cộng đồng làng xã và cao hơn là cộng đồng giữa các công xã nông thôn - các làng xã với nhau, tức là liên kết vùng, rộng nữa là quốc gia. Chính sự liên kết này đã làm cơ sở, làm nền tảng cho sự hình thành ý thức và tinh thần cộng đồng quốc gia - dân tộc, một trong những truyền thống nổi bật của dân tộc Việt Nam.

Thứ hai là do *yêu cầu chống ngoại xâm*.

Chống ngoại xâm bản thân nó không phải là đặc điểm riêng của một nước nào. Trong hoàn cảnh xã hội có giai cấp, không nước nào mà trong lịch sử tồn tại của mình lại không phải có lần chiến đấu chống giặc ngoại xâm bảo vệ đất nước. Song, có thể nói trên thế giới không có mấy quốc gia lại phải chống giặc ngoại xâm thường xuyên trong điều kiện khó khăn như Việt Nam. Đối với nhiều nước, chống ngoại xâm chỉ diễn ra ở một số thời điểm nhất định. Nhưng đối với Việt Nam, nạn ngoại xâm gần như là một mối đe dọa thường xuyên. Vì sao vậy ?

Vì Việt Nam nằm ở vị trí chiến lược trọng yếu của vùng Đông Nam Á, mang tính chất tiếp xúc của bán đảo Đông Dương và Đông Nam Á. Việt Nam nằm trên đầu mối của những luồng giao thông tự nhiên nối liền đại lục với đại dương. Đây là vị trí giao lưu kinh tế, văn hoá rất thuận lợi và chính sự thuận lợi đó mà Việt Nam đã trở thành mục tiêu khiến nhiều quốc gia nhòm ngó, tấn công. Chiếm được Việt Nam là xác lập được một địa bàn chiến lược lợi hại để từ đó có thể tiến sâu vào lục địa bằng những đường giao thông tự nhiên thuận lợi có thể toả khắp Đông Nam Á và tiến ra hải đảo dễ dàng.

Việt Nam - một nước nhỏ tồn tại bên cạnh Trung Hoa - một đế chế lớn mà từ thời cổ đại, tư tưởng bành trướng, mở rộng lãnh thổ đã phát triển trở thành chủ nghĩa bành trướng Đại Hán. Trung Quốc là một nước phát triển sớm, có lịch sử lâu đời và một nền văn minh rực rỡ. So với những tộc người xung quanh, Trung Quốc dựng nước sớm hơn và trong thời cổ đại đã đạt đến một trình độ văn minh cao... Cùng với những ưu thế và uy thế đạt được trong sự phát triển lịch sử, giai cấp thống trị Trung Quốc sớm lao vào những hoạt động thôn tính và bành trướng.

Xuất phát từ hai nguyên nhân trên, lịch sử Việt Nam từ thuở các Vua Hùng cho đến ngày nay, dựng nước luôn luôn đi cùng với giữ nước, dựng

xây song hành cùng chống ngoại xâm. Có thể chia lịch sử kháng chiến chống ngoại xâm của dân tộc ta làm 3 thời kỳ lớn như sau:

- Thời kỳ dựng nước Hùng Vương
- Thời kỳ chống nạn xâm lược của các đế chế phong kiến Trung Quốc (thời kỳ này kéo dài gần hai mươi thế kỷ, từ thế kỷ II trước Công nguyên đến thế kỷ XVIII).
- Thời kỳ chống chủ nghĩa đế quốc (từ 1858 đến 1975). Trong hơn một thế kỷ này, Việt Nam đã phải liên tiếp đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc Pháp, phát xít Nhật và đế quốc Mỹ.

Qua thực tiễn lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc, chúng ta thấy nổi bật lên những đặc điểm chủ yếu sau:

Từ khi dựng nước đến nay, dân tộc ta phải tiến hành nhiều cuộc chống ngoại xâm. Chỉ tính riêng từ thế kỷ II trước Công nguyên đến năm 1975, trong vòng 22 thế kỷ đã có trên 12 thế kỷ chống ngoại xâm, chiếm quá nửa thời gian lịch sử.

Kẻ thù xâm lược Việt Nam từ thời cổ đại đến thời cận hiện đại hầu hết là những đế chế phong kiến và đế quốc chủ nghĩa có sức mạnh quân sự và kinh tế lớn mạnh hơn dân tộc ta. Do đó dân tộc Việt Nam luôn phải chiến đấu trong tương quan lực lượng chênh lệch rất lớn, luôn phải "lấy yếu chống mạnh, lấy ít địch nhiều".

Chính trong điều kiện đó, để chiến thắng kẻ thù đòi hỏi phải có sự đoàn kết toàn dân tộc, thống nhất quốc gia. Đoàn kết là yếu tố hàng đầu quyết định sự thắng lợi của dân tộc Việt Nam trong những cuộc đụng độ lịch sử lớn đó.

Như vậy, do vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên, nhân dân Việt Nam vừa phải đấu tranh liên tục chống thiên tai để tồn tại và phát triển, vừa phải tiến hành nhiều cuộc kháng chiến chống xâm lược để bảo vệ nền độc lập của Tổ quốc. Những cuộc đấu tranh đó là một trong những nhân tố quyết định thúc đẩy sự liên kết cộng đồng, sự cố kết dân tộc, phát triển ý thức

quốc gia dân tộc của con người Việt Nam. Mọi giá trị văn hoá truyền thống được nhìn nhận như là những nhân tố dẫn đến sự hình thành truyền thống đoàn kết của dân tộc Việt Nam suy cho cùng chỉ là hệ quả của những điều kiện có tính đặc thù đã phân tích ở trên.

Để góp phần làm rõ hơn đặc điểm, cũng như các giá trị truyền thống cộng đồng của người Việt trong lịch sử, một số tác giả cũng đã đi sâu phân tích, làm rõ, trên cơ sở so sánh tính cộng đồng của ta với một số quốc gia phương Đông gần gũi như Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc ...

Tính cộng đồng của người Hoa ở Trung Quốc chủ yếu dựa trên cơ sở của đại gia tộc với những gia đình và chế độ gia trưởng rất mạnh.

Người Nhật được biểu thị tập trung ở trong những nhóm xã hội dựa trên thể chế hộ gia đình, với ý thức bảo vệ lợi ích chung và lòng trung thành cao độ với cộng đồng. Tính cộng đồng đó được phát huy cao độ trong các tổ chức kinh tế - xã hội, trong các công ty, xí nghiệp.

Hàn Quốc là một nước đồi núi, các làng xã vì thế trải rộng trên các thung lũng hay vùng đồi. Do vậy nền tảng của làng xã là những dòng họ mang tính gia trưởng cao và giữ vai trò chi phối cuộc sống cộng đồng.

Còn ở Việt Nam, trải qua hàng ngàn năm tồn tại, do phải liên kết lại trong cuộc đấu tranh khắc phục thiên nhiên, khai hoang, đắp đê làm thủy lợi, chống ngoại xâm, dân tộc Việt Nam đã sớm tạo lập nên một nền văn hoá bền vững, có bản sắc riêng và cội rễ sâu xa trong cơ sở kinh tế - xã hội. Đó là một kết cấu cộng đồng dựa trên nền tảng liên kết chặt chẽ giữa nhà - làng - nước.

Là hạt nhân, tế bào xã hội, gia đình Việt Nam là nơi rèn dưỡng con người, nơi bảo lưu, kế thừa, phát triển những giá trị truyền thống.

Từ các gia đình này, tinh thần cộng đồng của người Việt đã mở rộng ra đến họ hàng, làng xã. Làng xã ở Việt Nam có tổ chức chặt chẽ, ở đó là môi trường tồn tại, là tập thể cộng đồng chủ yếu của con người Việt Nam. Trong làng xã cổ truyền Việt Nam, thường tồn tại nhiều cộng đồng nhỏ theo

những quan hệ địa lý, huyết thống, tuổi tác, nghề nghiệp ... rất đa dạng, phong phú. Những cộng đồng nhỏ này do điều kiện khách quan (chống thiên tai, chống giặc ngoại xâm ...) đòi hỏi phải liên kết với nhau. Nhỏ là các gia đình, dòng họ; lớn hơn là làng xã, và lớn hơn nữa (bao gồm nhiều làng xã tập hợp lại) là Nước, là Quốc gia.

Thực tế lịch sử cho thấy: Dân tộc Việt Nam sớm hình thành trong một quá trình thống nhất quốc gia dân tộc tương đối bền vững. Từ thời vua Hùng, với tên gọi quốc gia Văn Lang, cho đến sau này - quốc gia Đại Việt, cư dân Văn Lang - Âu Lạc, Đại Việt luôn là một cộng đồng thống nhất với ý thức sâu sắc về cội nguồn chung, về văn hoá, về ngôn ngữ ... Từ chỗ ý thức đó, người Việt Nam sớm nhận thức rằng, cộng đồng lớn nhất đối với họ chính là Quốc gia. Quốc gia trở nên rất quan trọng và thiêng liêng đối với người Việt Nam. Mọi mối quan hệ, liên kết suy cho cùng đều thể hiện nét đặc trưng nổi bật của người Việt Nam là ý thức gắn bó cộng đồng quốc gia - dân tộc. Sức mạnh cộng đồng ấy được biểu hiện cụ thể thành những truyền thống tốt đẹp. Đồng thời đó cũng luôn là cội nguồn và động lực của sự phát triển của dân tộc ta suốt bao thế kỷ qua.

2.2. Sức mạnh của truyền thống đại đoàn kết trong lịch sử dân tộc Việt Nam.

- Trên cơ sở cộng đồng đoàn kết, quốc gia thống nhất của nền văn minh bản địa đã tạo ra những tiền đề dẫn đến việc ra đời Nhà nước sơ khai. Mở đầu là Nhà nước Văn Lang - quốc gia đầu tiên trong lịch sử Việt Nam, dựa trên sự liên minh chủ yếu của 15 bộ lạc. Tiếp đến là Nhà nước Âu Lạc, dựa trên sự hợp nhất hai bộ tộc Lạc Việt và Âu Lạc. Chính vì được hình thành từ sự hợp nhất tự nguyện giữa các bộ tộc, bộ lạc đó, nhân dân ta đã đoàn kết, chung sức xây dựng và đấu tranh trên tinh thần tự hào về nòi giống rồng tiên, cùng sinh ra trọng bọc trăm trứng nên Nhà nước sơ khai đã tồn tại khá bền vững và lâu dài.

- *Tinh thần đoàn kết ấy đã thấm sâu vào tâm tưởng mỗi người dân Việt Nam, trở thành cội nguồn sức mạnh cho sự ra đời, xây dựng và bảo vệ đất nước của dân tộc Việt Nam.* Trong lao động sản xuất, tinh thần đoàn kết nhân dân đã tạo nên sức mạnh cộng đồng đắp đê, làm thủy lợi, từng bước chế ngự thiên tai, phát triển kinh tế nông nghiệp. Trong quá trình xây dựng Nhà nước phong kiến tập quyền, với sức mạnh của khối đoàn kết, nhân dân ta đã nhanh chóng thiết lập được nghi thức của vương triều độc lập, phân rõ biên giới, đúc tiền, làm luật, sử dụng chữ dân tộc, chấn hưng và phát triển văn hoá dân tộc, phát triển các ngành nghề thủ công, thương nghiệp ... khiến cho đất nước ngày một cường thịnh, văn hoá ngày một mở mang, các nước liên bang đều vị nể.

- *Đại đoàn kết cũng chính là cội nguồn sức mạnh để chiến thắng các cuộc chiến tranh xâm lược của các thế lực nước ngoài.* Trên cơ sở sức mạnh của nền văn minh Văn Lang - Âu Lạc, của tinh thần đoàn kết dân tộc, nhân dân ta đã giành được nhiều thắng lợi trong cuộc đấu tranh chống giặc ngoại xâm ngay từ buổi đầu dựng nước, đến cuối thời Vua Hùng, rồi đến một ngàn năm Bắc thuộc. Đặc biệt, từ thế kỷ X, tinh thần đoàn kết dân tộc càng được phát huy mạnh mẽ trong hoàn cảnh đất nước độc lập nhưng vẫn phải đương đầu thường xuyên với nạn xâm lược của nước ngoài. Những năm này hầu như không thời kỳ nào dân tộc ta không phải đương đầu với giặc ngoại xâm như Tống, Nguyên, Minh, Thanh - những triều đại phong kiến phương Đông lớn nhất lúc đó. Nhưng với truyền thống đoàn kết hun đúc hàng ngàn năm, cả dân tộc ta đã chung sức chung lòng, quyết tâm đánh giặc. Nhiều trận chiến đã đi vào lịch sử như chiến thắng Bạch Đằng của Ngô Quyền năm 938, đại phá quân Tống trên phòng tuyến sông Như Nguyệt của Lý Thường Kiệt, chiến thắng Nguyên - Mông của Trần Quốc Tuấn, chiến thắng Xương Giang của Lê Lợi, trận Đống Đa của Nguyễn Huệ, v.v.. Chính khối sức mạnh đoàn kết toàn dân đã tạo nên một sức mạnh to lớn giúp dân tộc ta

chiến đấu và chiến thắng với các loại kẻ thù có tiềm lực hơn ta gấp bội, khẳng định vị thế, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của quốc gia Đại Việt.

Đoàn kết dân tộc còn là động lực to lớn để các vương triều hướng tới xây dựng một Nhà nước thống nhất, đoàn kết, vua tôi một lòng, cả nước chung sức xây dựng đất nước giàu mạnh. Lịch sử mấy ngàn năm cho thấy, các triều đại phong kiến trong quá trình xây dựng và phát triển Nhà nước luôn coi trọng dân, lấy dân làm gốc, tăng cường và củng cố khối đại đoàn kết.

Xuất phát từ tình cảm tự nhiên, tình thân tương thân, tương ái phát triển thành triết lý nhân sinh và cao hơn nó trở thành phép ứng xử, là mục tiêu hướng tới trong quá trình xây dựng một Nhà nước thống nhất. Chở thuyền cũng là dân, lật thuyền cũng là dân.

Những giá trị nhân bản sâu sắc đó không chỉ phản ánh trong kho tàng văn học dân gian mà còn được các anh hùng dân tộc nâng lên thành kinh nghiệm, phép trị nước và đánh giặc.

Thời Đinh - Lê coi việc "trên dưới một dạ, lòng dân không lìa" là nhân tố quyết định đến sự suy tồn của dân tộc.

Nhà Lý thực hiện chính sách đoàn kết dân tộc đúng đắn, tranh thủ các tù trưởng hoặc sắc tộc phía Bắc và Đông Bắc, có chính sách củng cố phen dậu làm thất bại âm mưu chia rẽ của kẻ thù.

Thời Trần có lệnh "Vương hầu và các tướng sỹ ai nấy cần phải giữ gìn phép tắc, đi đến đâu không được quấy nhiễu nhân dân".

Trong cuộc kháng chiến chống quân Minh, Lê Lợi đã lệnh cho quân sỹ "không được đụng chạm tơ hào nào của dân chúng".

Thời Tây Sơn cũng có những quy định thể hiện rõ tinh thần đoàn kết quân dân.

Ý thức được sức mạnh, ý nghĩa to lớn của tinh thần đoàn kết, các triều đại, nhà nước Việt Nam trong suốt quá trình hình thành và phát triển đã không ngừng sử dụng giá trị tinh thần nhưng lại có sức mạnh vô địch ấy

của đại đoàn kết, coi đó như là cội nguồn, động lực của sự phát triển của mọi triều đại trong lịch sử dân tộc, đồng thời không ngừng củng cố để bồi đắp thêm giá trị tinh thần truyền thống này.

Đại đoàn kết dân tộc - động lực và sức mạnh của quá trình đấu tranh chống lại sự xâm lược và thống trị của thực dân Pháp từ năm 1858 đến khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời (1930).

Đây là thời kỳ mà kẻ thù của dân tộc ta không phải là một quốc gia phong kiến mà là một cường quốc tư bản có trình độ phát triển kinh tế, kỹ thuật tiên tiến và lực lượng quân sự khổng lồ. Thế nhưng, đứng trước hoạ xâm lược mới và kẻ thù mới, phát huy truyền thống đoàn kết, đấu tranh bất khuất của cha ông ta trong lịch sử, khắp từ Bắc chí Nam, nhân dân ta đã nhất tề đứng dậy, bền bỉ chiến đấu chống lại giặc Pháp xâm lược, kiên quyết giành lại dân tộc, giành lại đất nước.

Ngọn lửa đấu tranh bất khuất của truyền thống đoàn kết, truyền thống anh dũng chống sự xâm lược của đế quốc bên ngoài và chống sự đầu hàng của nhà nước phong kiến bên trong của khối đại đoàn kết toàn dân đã bùng lên ngay từ những ngày đầu thực dân Pháp nổ súng xâm lược ở Đà Nẵng, ở Nam kỳ với tên tuổi của các trí thức, sĩ phu phong kiến, các lãnh tụ nông dân như Phạm Văn Nghị, Trương Công Định, Nguyễn Hữu Huân, Nguyễn Trung Trực... Tiếp đó là Tôn Thất Thuyết, là Phan Đình Phùng với phong trào Cần Vương, Hoàng Hoa Thám với khởi nghĩa Yên Thế. Đặc biệt bước sang đầu thế kỷ XX, trước những ảnh hưởng của tình hình thế giới và các trào lưu tư tưởng tư sản bên ngoài đối với cách mạng Việt Nam, các cuộc vận động yêu nước đã được nâng lên một bước mới với những phong trào, những tổ chức như Duy Tân, Đông Du, Đông kinh nghĩa thực, Việt Nam Quang phục hội ... cùng với những tên tuổi của Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh, Lương Văn Can, Huỳnh Thúc Kháng ... Tất cả đã tạo nên một phong trào chống Pháp rộng lớn từ thành thị đến nông thôn, từ miền núi đến đồng bằng, ở cả miền Nam và miền Bắc, lôi cuốn đông đảo các giai cấp,

tầng lớp. Phong trào đã lôi cuốn ý thức đoàn kết, tinh thần đoàn kết của cả dân tộc. Dẫu các phong trào, các cuộc khởi nghĩa diễn ra quyết liệt, lòng yêu nước và ý thức đoàn kết dân tộc đã được phát huy, nhưng tất cả đều bị thất bại. Nguyên nhân trước hết là do các cuộc đấu tranh đều nổ ra một cách tự phát, lẻ tẻ nên thực dân Pháp dễ dàng tập trung lực lượng để đàn áp. Nhưng nguyên nhân căn bản chính là vì cuộc cách mạng giải phóng dân tộc của nhân dân ta lúc bấy giờ đang "đứng trước một cuộc khủng hoảng sâu sắc về đường lối", do thiếu sự lãnh đạo của một giai cấp tiên tiến có đường lối đúng đắn phù hợp với điều kiện mới của thời đại.

Đứng trước yêu cầu của lịch sử, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đã sớm ra đi tìm đường cứu nước và chính trong quá trình bôn ba vừa tìm tòi, vừa học hỏi, Người đã đến với Chủ nghĩa Mác - Lênin. Chính Chủ nghĩa Mác - Lênin đã chỉ cho Người những luận điểm rất quan trọng về con đường cứu nước, giúp Người từng bước vạch ra đường lối cứu nước và chiến lược đại đoàn kết phù hợp với hoàn cảnh lịch sử nước ta đầu thế kỷ 20. Nắm vững quan điểm của Chủ nghĩa Mác - Lênin về vai trò quần chúng nhân dân trong lịch sử, ngay từ rất sớm, trong tác phẩm "Bản án chế độ thực dân Pháp", Nguyễn Ái Quốc cho rằng: "Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng nhân dân, chứ không phải của một vài người", vì vậy cần phải tập hợp, giác ngộ và từng bước tổ chức quần chúng đấu tranh từ thấp đến cao. Tiếp đến trong tác phẩm *"Đường Cách mệnh"*, tư tưởng về lực lượng cách mạng của Nguyễn Ái Quốc được cụ thể hoá. Theo Người, cách mạng muốn giành được thắng lợi phải coi "công nông là gốc" của cách mạng, học trò, nhà buôn, điền chủ nhỏ đều là bầu bạn của cách mạng. Có thể nói đây là những quan điểm cơ bản đầu tiên của Nguyễn Ái Quốc về vấn đề lực lượng, về phương thức tập hợp lực lượng và tiến hành đấu tranh cách mạng. Hơn thế nữa đây cũng là tư tưởng về phát huy khối đại đoàn kết toàn dân mà trong những giai đoạn cách mạng trước đây đã không thể đạt tới.

Quan điểm đúng đắn nói trên cùng với những nỗ lực hoạt động của Nguyễn Ái Quốc trong suốt 10 năm (từ 1920 đến 1930) đã dẫn đến kết quả là, ngày 3-2-1930, Đảng Cộng sản Việt Nam được thành lập. Sự ra đời của Đảng đánh dấu bước ngoặt vĩ đại trong lịch sử cách mạng Việt Nam. Đồng thời cũng là mốc đánh dấu sự thống nhất của phong trào cách mạng, sự thống nhất về đường lối cách mạng trong đó có đường lối tập hợp lực lượng, tập hợp sức mạnh của khối đại đoàn kết dân tộc. Với Đảng Cộng sản Việt Nam, trình độ tổ chức, tính thống nhất và phương thức tập hợp quần chúng của phong trào cách mạng Việt Nam đã đạt đến đỉnh cao. Ở đó, sự phát triển từ ý thức đoàn kết dân tộc đến ý chí và hành động thống nhất đã tạo ra sức mạnh, động lực thúc đẩy quảng đại quần chúng vùng dậy đấu tranh giành độc lập tự do cho đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Để góp phần làm rõ hơn vai trò của Đảng đối với việc kế thừa và phát huy truyền thống Đại đoàn kết dân tộc trong suốt hơn 70 năm qua, đề tài đã lần lượt trở lại các thời kỳ, giai đoạn lịch sử.

1. Trong thời kỳ cách mạng dân tộc dân chủ (1930 - 1975), thành công của Đảng được thể hiện:

- Trước hết, dưới sự lãnh đạo của Đảng, đại đoàn kết dân tộc từ chỗ chỉ là tư tưởng đã trở thành đường lối chiến lược của cách mạng Việt Nam. Các cao trào 1930-1931, 1936-1939, 1939-1945 thực sự là sự kiểm chứng tính đúng đắn của chủ trương đoàn kết toàn dân trong Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt được thông qua tại Hội nghị thành lập Đảng. Với sức mạnh của khối đại đoàn kết đó, Đảng đã lãnh đạo dân tộc ta làm nên thắng lợi có ý nghĩa lịch sử và thời đại - cuộc Cách mạng Tháng Tám năm 1945 - mở ra kỷ nguyên mới của lịch sử dân tộc Việt Nam: kỷ nguyên dân tộc được độc lập, nhân dân được làm chủ đất nước và xã hội, tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Trong sự nghiệp giữ vững nền độc lập, tiến hành các cuộc kháng chiến oanh liệt để giành độc lập, thống nhất hoàn toàn, đánh bại chủ nghĩa

thực dân cũ và chủ nghĩa thực dân mới (1945-1975), Đảng ta một lần nữa phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tiến hành chiến tranh nhân dân thần kỳ và làm nên chiến thắng vẻ vang.

- Là hạt nhân lãnh đạo khối đại đoàn kết dân tộc, thành công của Đảng còn ở chỗ trong quá trình xây dựng lực lượng, Đảng luôn rất coi trọng việc ra sức tuyên truyền, giác ngộ, tổ chức mọi lực lượng dân chúng tạo nên phong trào cách mạng "Tổ chức, tuyên truyền càng rộng rãi. Tức là cách mạng chóng thành công". Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thắng lợi, hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ thắng lợi chính là kết quả bốn mươi lăm năm Đảng ra sức xây dựng lực lượng, tập hợp nhân dân vào các tổ chức mặt trận với những tên gọi khác nhau như Hội phản đế đồng minh (1930), Mặt trận Dân chủ Đông Dương (1937), Mặt trận Dân tộc thống nhất phản đế Đông Dương (1939), Việt Nam độc lập đồng minh (gọi tắt là Mặt trận Việt Minh 1941), Hội Liên hiệp quốc dân Việt Nam (gọi tắt là Hội Liên Việt 1946), Mặt trận Liên hiệp quốc dân Việt Nam (gọi tắt là Mặt trận Liên Việt 1950). Đặc biệt, từ sau chiến thắng Điện Biên Phủ, Hiệp định Giơ-ne-vơ được ký kết, đất nước ta tạm thời bị chia cắt làm 2 miền. Miền Bắc được hoàn toàn giải phóng, đi lên chủ nghĩa xã hội. Miền Nam tiếp tục hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, giải phóng miền Nam, tiến tới thống nhất đất nước. Trong hoàn cảnh mới, để hoàn thành những nhiệm vụ cách mạng khác nhau ở mỗi miền, Đảng đã chủ trương thành lập mỗi miền một mặt trận dân tộc thống nhất nhằm mở rộng và tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc. Theo tinh thần đó, tháng 9-1955, ở miền Bắc thành lập Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Ở miền Nam, ngày 20-12-1960, từ thắng lợi của phong trào Đồng khởi, Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam được thành lập. Có thể nói, mặc dù có nhiều hình thức tổ chức mặt trận với nhiều tên gọi khác nhau như vậy, nhưng thành công lớn nhất trong công tác mặt trận của Đảng là Đảng đã mở rộng và tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc, phát huy sức mạnh của cả dân tộc để làm nên mọi thắng lợi.

2. Trong xây dựng chủ nghĩa xã hội và công cuộc đổi mới. Thành công của Đảng thể hiện.

- Khối đại đoàn kết toàn dân tộc tiếp tục được củng cố và tăng cường. Dựa vào sức mạnh đoàn kết dân tộc, thông qua Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Đảng đã tranh thủ được sự ủng hộ và nhất trí cao của nhân dân miền Bắc, đưa miền Bắc tiến lên chủ nghĩa xã hội và đấu tranh thống nhất nước nhà, quyết tâm bảo vệ miền Bắc, giải phóng miền Nam, chống đế quốc Mỹ xâm lược ... Trên thực tế, toàn thể nhân dân miền Bắc đã được tập hợp, đoàn kết trong Mặt trận vừa xây dựng và bảo vệ miền Bắc, vừa chi viện đắc lực cho cuộc đấu tranh của nhân dân miền Nam.

- Sau ngày miền Nam được hoàn toàn giải phóng, đất nước thống nhất, Đảng đã thống nhất các tổ chức Mặt trận của hai miền Nam, Bắc thành "Mặt trận Tổ quốc Việt Nam" (2-1977). Dưới sự lãnh đạo của Đảng, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tiếp tục củng cố và mở rộng hơn nữa khối đại đoàn kết dân tộc. Mặc dù trong 10 năm đầu (1975-1985) gặp rất nhiều khó khăn, nhưng khối đại đoàn kết dân tộc vẫn được giữ vững, tuyệt đại nhân dân vẫn đoàn kết và tin tưởng ở sự lãnh đạo của Đảng, hăng hái thực hiện mọi chủ trương, đường lối do Đảng đề ra. Hoạt động của Mặt trận đã góp phần tạo nên sự nhất trí về chính trị và tinh thần trong xã hội; vận động mọi tổ chức, mọi tầng lớp nhân dân tập trung vào việc hàn gắn vết thương chiến tranh, khôi phục và phát triển kinh tế, văn hoá ... Đặc biệt, với thắng lợi của quân và dân ta trong cuộc chiến tranh biên giới Tây Nam và phía Bắc, chẳng những nâng cao thêm lòng tự hào dân tộc mà còn nói lên sức sống và vai trò to lớn của khối đại đoàn kết dân tộc trong việc bảo vệ Tổ quốc, giữ gìn an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội.

- Thành công của sự nghiệp đổi mới cũng là nhờ Đảng ta đã "Mở rộng và tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc, phát huy sức mạnh của cả dân tộc". Chính sáng kiến, nguyện vọng của nhân dân là nguồn gốc hình thành đường lối đổi mới của Đảng. Cũng do nhân dân ta đoàn kết, hưởng ứng

đường lối đổi mới, dũng cảm phấn đấu vượt qua biết bao khó khăn thử thách mà công cuộc đổi mới giành được những thành tựu quan trọng. Để đưa đất nước tiếp tục tiến lên theo hướng công nghiệp hoá - hiện đại hoá, Đại hội IX của Đảng tiếp tục khẳng định và coi: Đại đoàn kết dân tộc là đường lối cơ bản, là động lực chủ yếu để thúc đẩy sự phát triển của đất nước. Cụ thể hoá Nghị quyết IX, Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá IX) ngày 12-3-2003 cũng đã có một Nghị quyết riêng về *"Phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh"*. Các Nghị quyết trên của Đảng thực sự là những định hướng vừa có tính cơ bản, chiến lược, vừa có tính cấp bách và cũng là cơ sở để toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta tăng cường hơn nữa khối đại đoàn kết toàn dân tộc, thực hiện thắng lợi nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới.

Từ những thành công của Đảng trong quá trình lãnh đạo cách mạng giải phóng dân tộc, kháng chiến và xây dựng chủ nghĩa xã hội, thực hiện công cuộc đổi mới, có thể rút ra một số kinh nghiệm quý báu về xây dựng và phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân như sau:

Một là: Sở dĩ Đảng tập hợp đoàn kết được mọi giai cấp, tầng lớp, lực lượng trong nhân dân là nhờ ngay từ khi ra đời Đảng đã đề ra được Cương lĩnh cách mạng đúng đắn với những mục tiêu và phương pháp thích hợp đáp ứng lợi ích chung của toàn dân tộc và lợi ích riêng của từng giai cấp, bộ phận.

Hai là: Để không ngừng củng cố sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân, Đảng ta đã luôn đặc biệt coi trọng công tác vận động quần chúng, coi đó là vấn đề có ý nghĩa chiến lược ở mọi thời kỳ cách mạng.

Ba là: Sức mạnh của toàn dân chỉ được phát huy khi quần chúng nhân dân được tập hợp trong những tổ chức yêu nước và cách mạng. Vì vậy, Đảng cũng luôn rất coi trọng việc xây dựng các hình thức tổ chức Mặt trận,

các tổ chức quần chúng thích hợp với mục tiêu, nhiệm vụ chính trị của từng thời kỳ lịch sử.

Bốn là: Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng. Đảng vừa là người tổ chức, vừa là hạt nhân lãnh đạo khối đại đoàn kết dân tộc.

Những kinh nghiệm trên được rút ra từ những thành công từ chính những hoạt động thực tiễn hơn 70 năm của Đảng. Thực tế lịch sử cho thấy, khi nào chúng ta biết nêu cao ngọn cờ dân tộc, thực hiện được đại đoàn kết toàn dân tộc, thì dầu khó khăn đến mấy chúng ta cũng vượt qua. Ngược lại khi nào yếu tố dân tộc bị xem nhẹ, mắc sai lầm thì cách mạng sẽ gặp không ít trở ngại, khó khăn. Trong những năm 1930-1931, hạn chế của cao trào 1930-1931 mà đỉnh cao là *Xô viết Nghệ - Tĩnh* và sau này trong *Luận cương chính trị* tháng 10-1930 là ở chỗ không nhận thức đầy đủ sức mạnh của ý thức dân tộc, truyền thống yêu nước; chưa nhận thấy sự cần thiết phải tập trung mọi lực lượng vào giải quyết mâu thuẫn chủ yếu nhất của xã hội Việt Nam là mâu thuẫn giữa dân tộc ta với đế quốc và tay sai. Do hạn chế về nhận thức trên mà trong chỉ đạo thực tiễn, Đảng đã phải uốn nắn sai lầm của Xứ uỷ Trung kỳ thanh Đảng với phương châm "Trí, phú, địa hào đào tận gốc, trốc tận rễ". Hay trong khuyết điểm của luận cương là chưa đề cao nhiệm vụ chống đế quốc, giải phóng dân tộc; đánh giá chưa đúng vai trò của các giai cấp ... dẫn đến hạn chế việc tập hợp rộng rãi lực lượng. Những vấp vấp, ấu trĩ đó kéo dài đến năm 1935 và phải tới thời kỳ 1936-1939 Đảng mới khắc phục được. *Đến cuối năm 1953*, khi cuộc kháng chiến bước sang giai đoạn kết thúc và yêu cầu bồi dưỡng sức dân đặt ra bức xúc, Đảng quyết định phát động quần chúng giảm tô và cải cách ruộng đất. Có thể nói đây là một chủ trương đúng đắn của Đảng có tác dụng cổ vũ mạnh mẽ nông dân không chỉ ở vùng tự do mà ở các vùng tạm chiếm trong toàn quốc, củng cố nền tảng của mặt trận dân tộc thống nhất. Nhưng vì nhiều lý do, trong quá trình chỉ đạo và triển khai thực hiện, Đảng đã phạm phải một số sai lầm, ảnh hưởng tiêu cực đến uy tín của Đảng, đến chiến lược đại đoàn kết. Với tình

thần tự phê bình nghiêm túc và chủ trương sửa sai, Đảng đã nhanh chóng khắc phục, giữ vững ổn định trong xã hội, nhất là ở vùng nông thôn. Trong những năm 1955-1956, tiến hành cải cách ruộng đất ở miền Bắc, bên cạnh những thành công, do chủ quan, giáo điều, không xuất phát đầy đủ từ thực tiễn, Đảng đã không thấy rõ được những thay đổi quan trọng về quan hệ giai cấp, xã hội ở nông thôn Việt Nam sau Cách mạng Tháng Tám và nhất là những thay đổi trong kháng chiến, nên Đảng đã cường điệu hoá đấu tranh giai cấp ở nông thôn, mở rộng quá mức đối tượng đấu tranh, sử dụng các hình thức phương pháp đấu tố, truy chụp không phù hợp với đối tượng là địa chủ ở nông thôn Việt Nam. Sai lầm trên đã gây những hậu quả nghiêm trọng. Nó chẳng những đã làm cho lực lượng của Đảng bị tổn thất, uy tín của Đảng bị giảm sút, mà nguy hại hơn, nó còn làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến tinh thần đoàn kết trong Đảng, trong nhân dân. Những biểu hiện nóng vội, chủ quan còn tiếp tục được lặp lại trong việc cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh và trong phong trào hợp tác hoá nông nghiệp, thủ công nghiệp, tiểu thương ở miền Bắc (những năm 1957 - 1958). Đặc biệt trong công tác cải tạo xã hội chủ nghĩa ở miền Nam sau ngày đất nước thống nhất (1975), do nhận thức chưa đầy đủ về tính chất phức tạp của cuộc đấu tranh giai cấp nhằm giải quyết vấn đề "ai thắng ai" giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản; về mối quan hệ giữa cải tạo và xây dựng chủ nghĩa xã hội, một lần nữa chúng ta lại mắc những sai lầm, khuyết điểm, nóng vội trong công tác cải tạo công thương nghiệp, nông nghiệp mà hậu quả là trong suốt một thời gian dài (1976 - 1980), *về nông nghiệp*, chẳng những không thúc đẩy được sản xuất ở Nam bộ phát triển, ngược lại còn kìm hãm nó phát triển theo hướng sản xuất hàng hoá. Nền nông nghiệp cả nước lâm vào tình trạng khủng hoảng. Lợi ích kinh tế của người lao động không được bảo đảm dẫn đến triệt tiêu động lực sản xuất của người nông dân. *Về công thương nghiệp*, kết quả của việc cải tạo bằng cách loại bỏ kinh tế tư nhân, xoá bỏ nền kinh tế nhiều thành phần, thực hiện quốc doanh hoá - thực chất là nhà

nước hoá - toàn bộ cơ sở kinh tế tư nhân, cá thể. Hơn nữa lại áp dụng cơ chế quản lý tập trung, bao cấp, do đó đã kìm hãm và chưa phát huy được năng lực sản xuất, đời sống người lao động càng thêm khó khăn. Một thực trạng chung lúc đó là người dân ít quan tâm đến sản xuất, kinh doanh thuộc sở hữu nhà nước và hợp tác xã. Hiện tượng công nhân bỏ xí nghiệp, nông dân trải lại ruộng diễn ra khá phổ biến. Những thiếu sót trên trong công tác cải tạo cùng với những sai lầm, khuyết điểm trong lĩnh vực kinh tế - xã hội đã có những ảnh hưởng không nhỏ đến việc thực hiện chiến lược đại đoàn kết dân tộc giai đoạn này.

2.3. Một số định hướng, giải pháp cho việc kế thừa, phát triển truyền thống Đại đoàn kết dân tộc trong công cuộc đổi mới hiện nay.

Để phát huy cao nhất sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân trong thời kỳ mới - thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá - hiện đại hoá đất nước trên cơ sở những thành tựu, kinh nghiệm đã được tổng kết, đánh giá qua các giai đoạn, các thời kỳ lịch sử, đề tài đề xuất một số ý kiến có thể coi như những định hướng, giải pháp sau:

Trước hết, phải nắm vững và vận dụng sáng tạo Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết cũng như quán triệt, thực hiện chiến lược đại đoàn kết toàn dân tộc của Đảng ta.

Theo quan điểm của Hồ Chí Minh:

- *Đại đoàn kết dân tộc là vấn đề có ý nghĩa chiến lược, quyết định thành công của cách mạng.* ý nghĩa chiến lược đó thể hiện: đó là một vấn đề cơ bản, nhất quán và xuyên suốt tiến trình cách mạng Việt Nam. Đó là chiến lược tập hợp lực lượng có thể tập hợp được, nhằm hình thành sức mạnh to lớn của toàn dân tộc trong cuộc đấu tranh chống kẻ thù dân tộc, giai cấp. Trong từng thời kỳ, từng giai đoạn cách mạng, có thể và cần thiết phải điều chỉnh chính sách và phương pháp tập hợp cho phù hợp với những đối tượng khác nhau, nhưng đại đoàn kết dân tộc phải luôn luôn được nhận thức là vấn đề sống còn của cách mạng.

- *Đại đoàn kết dân tộc là một mục tiêu, một nhiệm vụ hàng đầu của cách mạng.* Tư tưởng đại đoàn kết dân tộc phải được quán triệt trong mọi đường lối, chủ trương chính sách của Đảng, lực lượng lãnh đạo duy nhất đối với cách mạng Việt Nam. Đại đoàn kết dân tộc không phải chỉ là mục tiêu, mục đích nhiệm vụ hàng đầu của Đảng mà còn là mục tiêu, mục đích, nhiệm vụ hàng đầu của cả dân tộc. Như vậy, đại đoàn kết dân tộc là đòi hỏi khách quan của bản thân quần chúng trong cuộc đấu tranh để tự giải phóng, là sự nghiệp của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Đảng có sứ mệnh thức tỉnh, tập hợp, hướng dẫn, chuyển những đòi hỏi khách quan, tự phát của nhân dân thành những đòi hỏi tự giác, thành hiện thực, có tổ chức, thành sức mạnh vô địch trong cuộc đấu tranh vì độc lập cho dân tộc, tự do cho nhân dân, hạnh phúc của con người.

- *Đại đoàn kết dân tộc là đại đoàn kết toàn dân.* Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, các khái niệm Dân, Nhân dân có nội hàm rất rộng. Người dùng các khái niệm này để chỉ "Mọi công dân Việt Nam", "Mỗi một người con Rồng, cháu Tiên" không phân biệt dân tộc thiểu số với dân tộc đa số, người tín ngưỡng với người không tín ngưỡng, không phân biệt "già, trẻ, gái, trai, giàu, nghèo". Như vậy, nhân dân vừa là một tập hợp đông đảo quần chúng, vừa được hiểu là mỗi con người Việt Nam cụ thể, cả hai đều là chủ thể của Đại đoàn kết dân tộc. Người đã nhiều lần nêu rõ: "Ta đoàn kết để đấu tranh cho thống nhất và độc lập của Tổ quốc. Ai có tài, có đức, có sức, có lòng phụng dưỡng Tổ quốc và phục vụ nhân dân thì ta đoàn kết với họ". Người đã dùng khái niệm Đại đoàn kết dân tộc để định hướng cho việc xây dựng khối Đại đoàn kết toàn dân trong suốt tiến trình cách mạng Việt Nam.

- *Đại đoàn kết dân tộc không chỉ dừng lại ở khái niệm, ở tư tưởng, những lời kêu gọi, mà đã trở thành một chiến lược cách mạng, trở thành khẩu hiệu hành động của toàn Đảng, toàn dân ta.* Ngay từ khi tìm thấy con đường cứu nước, Hồ Chí Minh đã rất chú ý đến việc đưa quần chúng nhân dân vào những tổ chức yêu nước phù hợp với từng giai tầng, từng giới, từng

ngành nghề, từng lứa tuổi, từng tôn giáo; hơn nữa còn phù hợp với từng bước phát triển của phong trào cách mạng. Tổ chức bao trùm nhất, thể hiện rõ khối Đại đoàn kết dân tộc chính là Mặt trận Dân tộc thống nhất.

- *Đảng Cộng sản Việt Nam là thành viên của Mặt trận Dân tộc thống nhất lại vừa là lực lượng lãnh đạo Mặt trận, xây dựng khối Đại đoàn kết dân tộc ngày càng vững chắc.* Theo Hồ Chí Minh, Đảng lãnh đạo xây dựng Mặt trận Dân tộc thống nhất đồng thời cũng là thành viên của Mặt trận. Người phân tích: Đảng không thể đòi hỏi Mặt trận thừa nhận quyền lãnh đạo của mình, mà phải tỏ ra là một bộ phận trung thành nhất, hoạt động nhất và chân thật nhất. Chỉ trong đấu tranh và công tác hàng ngày, khi quần chúng rộng rãi thừa nhận chính sách đúng đắn và năng lực lãnh đạo của Đảng thì Đảng mới giành được địa vị lãnh đạo.

Đảng lãnh đạo Mặt trận trước hết bằng việc xác định chính sách Mặt trận đúng đắn, phù hợp với từng giai đoạn, từng thời kỳ cách mạng. Muốn lãnh đạo Mặt trận, lãnh đạo xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân, Đảng phải thật sự đoàn kết thống nhất. Đoàn kết trong Đảng là cơ sở vững chắc để xây dựng đoàn kết của toàn dân. Sự đoàn kết trong Đảng càng được củng cố thì đoàn kết dân tộc càng được tăng cường.

- *Đại đoàn kết dân tộc phải gắn liền với đoàn kết quốc tế, chủ nghĩa yêu nước chân chính phải gắn liền với chủ nghĩa quốc tế trong sáng của giai cấp công nhân.* Ở Hồ Chí Minh, tư tưởng đoàn kết toàn dân kết hợp chặt chẽ với đoàn kết quốc tế trên cơ sở thêm bạn bớt thù, với tinh thần:

Quan sơn muôn dặm một nhà

Bốn phương vô sản đều là anh em

Trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng của mình, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã luôn nêu cao tư tưởng đoàn kết quốc tế, làm hết sức mình cho việc củng cố sự đoàn kết của các Đảng Cộng sản, của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế. Đối với Người, nghệ thuật tranh thủ sự ủng hộ quốc tế

với cuộc đấu tranh của nhân dân ta là nghệ thuật kết hợp sức mạnh của dân tộc với sức mạnh của thời đại.

Theo quan điểm của Đảng ta, Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khoá IX (12-3-2003) Đảng đã đưa ra một số quan điểm cơ bản về đại đoàn kết toàn dân tộc.

- Đại đoàn kết toàn dân tộc trên nền tảng liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức dưới sự lãnh đạo của Đảng là đường lối chiến lược của cách mạng Việt nam; là nguồn sức mạnh, động lực chủ yếu và là nhân tố có ý nghĩa quyết định bảo đảm thắng lợi bền vững của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

- Đại đoàn kết toàn dân tộc lấy mục tiêu giữ vững độc lập, thống nhất Tổ quốc, vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh làm điểm tương đồng, xoá bỏ mặc cảm, định kiến, phân biệt đối xử về quá khứ, thành phần, giai cấp, xây dựng tinh thần cởi mở, tin cậy lẫn nhau, cùng nhau hướng tới tương lai.

- Bảo đảm công bằng và bình đẳng xã hội, chăm lo lợi ích thiết thực, chính đáng, hợp pháp của các giai cấp, các tầng lớp nhân dân; kết hợp hài hoà lợi ích cá nhân, lợi ích tập thể và lợi ích toàn xã hội; thực hiện dân chủ gắn liền với giữ gìn kỷ cương, chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí; không ngừng bồi dưỡng, nâng cao tinh thần yêu nước, ý thức độc lập dân tộc, thống nhất Tổ quốc, tinh thần tự lực, tự cường xây dựng đất nước, xem đó là những yếu tố quan trọng để củng cố và phát triển khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

- Đại đoàn kết là sự nghiệp của toàn dân tộc, của cả hệ thống chính trị mà hạt nhân lãnh đạo là các tổ chức Đảng được thực hiện bằng nhiều biện pháp, hình thức, trong đó các chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước có ý nghĩa quan trọng hàng đầu.

Trong tình hình mới hiện nay, việc cần phải nắm vững và vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh, đồng thời quán triệt, thực hiện có hiệu quả

chiến lược đại đoàn kết toàn dân tộc của Đảng có ý nghĩa rất quan trọng, bởi nó không chỉ là những nguyên tắc có tính định hướng mà còn là cơ hội để tăng cường đại đoàn kết toàn dân tộc, thực hiện thắng lợi nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới.

Hai là, Không ngừng mở rộng và đa dạng hoá các hình thức tập hợp quần chúng vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Để mở rộng và đẩy mạnh việc đa dạng hoá các hình thức tập hợp quần chúng, cần phải tiến hành những biện pháp cụ thể sau:

- Nắm vững mục tiêu đại đoàn kết dân tộc trong thời kỳ mới, tích cực đổi mới phương thức hoạt động của các tổ chức quần chúng đã có. Tiếp tục nghiên cứu, đề xuất, xây dựng các hình thức tập hợp quần chúng mới phù hợp với yêu cầu thực tiễn.

Trên cơ sở xác định rõ mục tiêu của đại đoàn kết dân tộc trong thời kỳ mới, điều có ý nghĩa quyết định cho việc đẩy mạnh chiến lược đại đoàn kết dân tộc chính là việc đổi mới phương thức hoạt động của các tổ chức quần chúng. Mỗi tổ chức chính trị xã hội hay nghề nghiệp, sở thích phải có một kế hoạch hoạt động độc lập của mình dựa trên tôn chỉ, mục đích, cương lĩnh của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và phù hợp với luật pháp của nhà nước. Các chương trình hoạt động phải đi vào thực chất và mang lại lợi ích thiết thực cho mỗi thành viên tham gia. Tuy nhiên cần phải tránh hai khuynh hướng dễ có thể xảy ra là hoặc quá coi trọng lợi ích, hoặc đơn giản, xem nhẹ chỉ là phong trào mà không tính đến hiệu quả, lợi ích thiết thực. Một vấn đề bức xúc hiện nay đó chính là sự tụt hậu trong quá trình hoạt động của các tổ chức chính trị xã hội. Trong khi cuộc sống đang vận động với cơ chế thị trường đầy biến động thì nhiều tổ chức quần chúng hoặc vẫn lặp lại mô hình cách làm cũ, hoặc hoạt động cầm chừng. Bởi vậy để khắc phục, một mặt cần phải tích cực đổi mới phương thức hoạt động của các tổ chức quần chúng đã có, nhưng mặt khác cũng cần phải tiếp tục nghiên cứu, đề xuất xây dựng các

tổ chức, các hình thức tập hợp quần chúng nơi đáp ứng với yêu cầu thực tiễn.

- Đẩy mạnh công tác xây dựng và hoàn chỉnh hệ thống luật pháp của nhà nước. Khẩn trương ban hành luật về Hội quần chúng. Tạo hành lang pháp lý cho việc ra đời và hoạt động của các hội, hiệp hội, các tổ chức xã hội...

Bản chất của Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là Nhà nước pháp quyền của dân, do dân và vì dân, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Các tổ chức quần chúng, các hội ... dù có điều lệ, quy định riêng của mình nhưng phải theo một nguyên tắc là tuân thủ pháp luật của nhà nước Việt Nam. Hiện nay chúng ta có khoảng 250 bộ luật. So với nhiều nước trên thế giới thì ta vẫn là nước có ít luật. Tuy vậy cũng có một số ý kiến lại cho rằng chúng ta đã có nhiều luật, vì nhiều luật nên chông chéo và tính khả thi chưa cao. Một thực tế đang tồn tại hiện nay là tình trạng vi phạm pháp luật khá phổ biến. Nhưng một thực tế khác cũng đang đặt ra khá bức xúc là chúng ta đang thiếu nhiều luật. Nhiều lĩnh vực, nhiều vấn đề nảy sinh nhưng vì thiếu luật hoặc có luật nhưng không áp dụng được vào cuộc sống nên kỷ cương phép nước chưa nghiêm. Bởi vậy để tạo ra hành lang pháp lý cần thiết để định hướng, chế tài cần thiết cho các hoạt động của các tổ chức quần chúng, nhiều bộ luật mới cũng cần nhanh chóng được soạn thảo, ban hành và kèm theo đó là các văn bản hướng dẫn tổ chức thực hiện để đưa nhanh vào thực tế cộng sống, kịp thời điều chỉnh và định hướng cho việc pháp triển xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân ngày càng phong phú hơn, đa dạng hơn, thu hút được ngày càng nhiều các tầng lớp nhân dân vào mặt trận đoàn kết toàn dân tộc.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền giáo dục, đề cao cảnh giác với các âm mưu lợi dụng, chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc trong quá trình đẩy mạnh công cuộc đổi mới.

Hiện nay công tác tuyên truyền, giáo dục truyền thống đang đứng trước những thách thức của cơ chế thị trường và tình trạng thương mại hoá các ấn phẩm văn hoá. Phương pháp tuyên truyền chậm đổi mới. Cơ sở vật chất, những điều kiện thiết yếu để tác nghiệp rất lạc hậu. Sự phối hợp giữa các ngành, các cấp chưa hợp lý, đồng bộ. Đây là một mặt trận mà ở cơ sở, đặc biệt là vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc ít người còn rất nhiều bất cập. Những điểm nóng ở Tây Nguyên trong thời gian gần đây đã chỉ rõ sự yếu kém và buông lỏng công tác tuyên truyền giáo dục đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước, truyền thống đoàn kết của các dân tộc ở cơ sở. Để khắc phục tình trạng này, không còn cách nào tốt hơn là phải tăng cường xây dựng, đào tạo đội ngũ cán bộ có chuyên môn, có am hiểu văn hoá, truyền thống, tiếng nói, chữ viết các dân tộc. Từ đó mới đẩy mạnh công tác này ở các địa phương, các tầng lớp dân cư, lôi kéo thu hút quần chúng vào khối đại đoàn kết dân tộc.

Một vấn đề mang tính thời sự cấp thiết liên quan đến an ninh quốc gia hiện nay là sự chống phá, chia rẽ dân tộc của các thế lực thù địch. Thực tế này đã và đang diễn ra. Đây là một kiểu "diễn biến hoà bình" hết sức nguy hiểm. Vì vậy, quan điểm về đại đoàn kết dân tộc phải được coi đây là vấn đề an ninh quốc gia. Mất đoàn kết rất dễ có nguy cơ an ninh quốc gia bị đe dọa. Vừa đề cao cảnh giác, vừa đẩy mạnh thực hiện các chính sách của Đảng và Nhà nước về kinh tế xã hội. Đó là những biện pháp hữu hiệu để tiếp tục xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, tạo nên nguồn sức mạnh to lớn đưa đất nước phát triển cùng thời đại.

Ba là, giải quyết đúng đắn các mối quan hệ dân tộc và giai cấp, lợi ích dân tộc và lợi ích giai cấp, thực hiện quyền làm chủ của nhân dân; củng cố, mở rộng Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; tăng cường, nâng cao sự lãnh đạo của Đảng trong hệ thống chính trị.

- Giải quyết đúng đắn mối quan hệ dân tộc và giai cấp, trong đó phải đặt yếu tố dân tộc lên hàng đầu.

Trong quá trình lãnh đạo sự nghiệp cách mạng ở nước ta, Đảng ta luôn nhấn mạnh quan điểm phải giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa dân tộc và giai cấp, đặt yếu tố dân tộc lên hàng đầu, coi đó là điều kiện tiên quyết đảm bảo vạch đường lối đúng đắn, mở đường cho việc thực hiện chiến lược đại đoàn kết dân tộc, đảm bảo cho cách mạng thành công. Tư tưởng trên đã được Đảng ta quán triệt trong suốt quá trình Đảng lãnh đạo cách mạng Việt Nam và trở thành một bài học xuyên suốt trong lịch sử Đảng. Kinh nghiệm thực tế cho thấy lúc nào, khi nào nếu làm đúng tư tưởng đó thì cách mạng thắng lợi, còn nếu làm trái thì cách mạng gặp khó khăn. Trong những năm đổi mới vừa qua, một trong những thành công lớn nhất của Đảng là trong quá trình thực hiện đường lối đổi mới, Đảng đã luôn quán triệt và làm tốt việc thực hiện lấy dân làm gốc, coi trọng chính sách giai cấp, chính sách dân tộc, coi trọng yếu tố con người, đặt con người vào trung tâm của các chính sách kinh tế - xã hội, v.v.. Do đó, Đảng đã rất thành công trong việc thực hiện chiến lược đại đoàn kết dân tộc. Bước sang thời kỳ mới - đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, Đảng cần tiếp tục phát huy, kết hợp và giải quyết đúng đắn vấn đề dân tộc - giai cấp, trong đó đặc biệt coi trọng yếu tố dân tộc, coi trọng sức mạnh của quần chúng nhân dân, hoàn thiện quan hệ sản xuất tương ứng với tính chất và trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, có chính sách thật đúng đắn trong việc phát huy các thành phần kinh tế, v.v.. thì yếu tố dân tộc, đại đoàn kết sẽ trở thành một lực lượng mới, một động lực mới cho sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

- Kết hợp hài hoà giữa lợi ích dân tộc, lợi ích giai cấp và lợi ích cá nhân người lao động trong điều kiện nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần, theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Định ra đường lối cách mạng phù hợp với đặc điểm dân tộc, với nguyện vọng sâu xa và bức xúc của nhân dân, với xu thế cơ bản của thời đại là vấn đề quan trọng, vì đại đoàn kết trước hết liên quan đến đường lối.

Đường lối đúng là cơ sở, là điều kiện để thực hiện chiến lược đại đoàn kết. Nhưng củng cố, tăng cường khối đại đoàn kết được hay không, thực hiện đến đâu còn phụ thuộc vào sự nhìn nhận và giải quyết lợi ích chung của dân tộc và lợi ích riêng của từng giai cấp, tầng lớp, cá nhân người lao động đúng hay chưa đúng, thể hiện trong các chủ trương, chính sách, giải pháp.

Các giai cấp và tầng lớp vì lợi ích chung và lợi ích riêng mà đứng trong hàng ngũ yêu nước. Cho nên, lẽ tự nhiên giữa họ hình thành nhiều mối quan hệ, quan hệ giữa dân tộc và giai cấp; quan hệ giữa giai cấp công nhân và các giai cấp, tầng lớp khác trong xã hội; quan hệ giữa mở rộng Mặt trận dân tộc thống nhất và củng cố khối liên minh công - nông - trí, v.v.. Kinh nghiệm cho thấy giải quyết đúng đắn và hài hoà các mối quan hệ phức tạp đó thì phát huy được sức mạnh của khối đại đoàn kết, động viên và tổ chức được mọi lực lượng của dân tộc thực hiện có hiệu quả mục tiêu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc... Thực tế trong thời kỳ đổi mới, Đảng ta đã giải quyết khá thành công các mối quan hệ này. Đảng đánh giá đúng vị trí của khối liên minh công - nông - trí, có những chủ trương, chính sách thoả mãn yêu cầu của quần chúng cơ bản, trong khi vẫn đánh giá đúng vai trò của tầng lớp trên, đề ra những chính sách đáp ứng yêu cầu chính đáng của họ. Do vậy liên minh công - nông - trí được củng cố vững chắc, mà khối đại đoàn kết dân tộc trong một mặt trận dân tộc thống nhất cũng ngày càng được mở rộng.

Đại đoàn kết dân tộc còn liên quan đến việc giải quyết mối quan hệ giữa lợi ích cá nhân và lợi ích cộng đồng. Xã hội là môi trường, là điều kiện, là phương thức để lợi ích cá nhân được thực hiện. Xã hội hiện nay càng phát triển thì quan hệ giữa lợi ích cá nhân và xã hội càng đa dạng, phức tạp và phong phú. Trước đổi mới, do chúng ta chưa xác định thật đúng đắn và đầy đủ mối quan hệ này nên chưa khai thác được mọi tiềm năng trong mỗi con người và trong cả xã hội. Trong thời kỳ đổi mới, Đảng điều chỉnh nhận thức, đặt con người vào vị trí trung tâm của chính sách kinh tế - xã hội, với mục

tiêu là vì con người, cho con người. Đồng thời Đảng cũng xác định, lợi ích cá nhân là nguồn lực lớn đẩy mạnh kích thích sản xuất, phát triển kinh tế - xã hội. Từ chỗ nhận thức như vậy, trong quá trình thực hiện đường lối đổi mới, cùng với chủ trương xây dựng nền kinh tế nhiều thành phần, Đảng cũng đã có nhiều chủ trương, chính sách quan tâm đến lợi ích người lao động, động viên mọi người đem hết tài năng, trí tuệ vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước. Tuy nhiên đứng trước những yêu cầu mới của sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá, đòi hỏi Đảng tiếp tục bổ sung, cụ thể hoá hơn nữa đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng sao cho phù hợp, thiết thực, giải quyết tốt mối quan hệ giữa lợi ích cá nhân với lợi ích tập thể, lợi ích cộng đồng, lợi ích chung toàn xã hội. Sự hài hoà, thống nhất giữa lợi ích quốc gia, dân tộc - giai cấp, cộng đồng - gia đình phải được coi là nguyên tắc chiến lược. Nội dung đoàn kết ngày nay gắn với cơ sở kinh tế, xã hội và phải giải quyết hài hoà lợi ích giai cấp, lợi ích cá nhân và lợi ích cộng đồng xã hội. Chỉ có như vậy khối đại đoàn kết dân tộc mới phát triển bền vững.

- Bảo đảm và thực hiện ngày càng tốt hơn quyền làm chủ của nhân dân.

Phát huy quyền làm chủ của nhân dân là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của Đảng và Nhà nước ta. Đó vừa là mục tiêu, vừa là động lực của cách mạng, vừa là biện pháp chủ yếu để chống tham nhũng, tệ nạn xã hội và giải quyết mâu thuẫn trong nội bộ dân tộc, thực hiện đoàn kết toàn dân.

Thực hiện quyền làm chủ của nhân dân cũng có nghĩa là phát huy nhân tố con người, làm cho mỗi người được phát triển tự do - điều kiện để phát huy tự do của tất cả mọi người.

Sức mạnh của một đất nước, một xã hội mà ở đó nhân dân làm chủ là sức mạnh to lớn.

Trong điều kiện thực hiện nền kinh tế nhiều thành phần, khi lợi ích của người lao động đang đặt ra một cách trực tiếp, trình độ dân trí ngày càng cao, vấn đề dân chủ càng đặt ra một cách cấp bách, thực hiện tốt quyền

làm chủ của nhân dân lao động sẽ góp phần quan trọng vào việc xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong giai đoạn cách mạng hiện nay.

Thấu hiểu điều đó, trong nhiều năm qua, Đảng ta đã luôn phấn đấu xây dựng một chế độ xã hội do nhân dân lao động là chủ và làm chủ, bảo đảm cho mọi người dân đều được thực hiện quyền làm chủ về chính trị, kinh tế và trên các lĩnh vực khác. Tuy nhiên, nhân dân chỉ có thể làm chủ, thực hiện quyền làm chủ của mình chủ yếu thông qua nhà nước. Bởi vậy cùng với việc bảo đảm và phát huy quyền làm chủ của nhân dân, Đảng cũng thường xuyên quan tâm, chăm lo đến việc xây dựng, hoàn thiện bộ máy nhà nước, một nhà nước thực sự của dân, do dân và vì dân. Kinh nghiệm cho thấy việc xây dựng Nhà nước đó phải đảm bảo các tiêu chí sau:

Là người đầy tớ trung thành của nhân dân, Nhà nước phải liên hệ chặt chẽ với nhân dân, tôn trọng và lắng nghe ý kiến của nhân dân, chịu sự giám sát của nhân dân, kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng, quan liêu, cửa quyền, chống tham ô, lãng phí, đặc quyền đặc lợi, thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở.

Mở rộng dân chủ đi đôi với tăng cường kỷ cương xã hội. Không thể có dân chủ nếu thiếu tập trung, thiếu kỷ cương, pháp luật, thiếu trách nhiệm công dân: dân chủ phải đi đôi với pháp chế; Đảng phát huy dân chủ nhưng cũng phê phán chủ nghĩa tự do, vô chính phủ, coi thường pháp luật.

Cải cách hành chính và các thủ tục hành chính, thành lập toà án hành chính, sắp xếp bộ máy nhà nước theo hướng tinh giản, nâng cao trình độ cán bộ về quản lý nhà nước, xây dựng quy chế công chức.

Tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa, hoàn chỉnh hệ thống pháp luật, nâng cao trình độ dân trí, trình độ hiểu biết pháp luật và ý thức tuân thủ pháp luật của nhân dân.

Nhà nước quản lý xã hội bằng công cụ luật pháp trong sự gắn bó hữu cơ với những giá trị đạo đức truyền thống.

Quản lý xã hội còn bằng làm tốt công tác vận động quần chúng nhân dân tham gia xây dựng, củng cố chính quyền vững mạnh.

- Củng cố, mở rộng Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thực sự là tổ chức tập hợp khối đại đoàn kết dân tộc phối hợp hành động với các đoàn thể chính trị vì sự nghiệp "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh".

Để Mặt trận phát huy được vai trò tập hợp tất cả các lực lượng có thể tập hợp, thực hiện đại đoàn kết dân tộc điều có ý nghĩa đến chất lượng và hiệu quả đổi mới của Mặt trận là đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với Mặt trận.

Trước hết, cần nhận thức đúng tầm quan trọng của chính sách và công tác mặt trận, có cơ chế lãnh đạo mặt trận, khắc phục những tư tưởng, quan điểm không đúng, nhất là tư tưởng coi nhẹ công tác mặt trận, khắc phục tình trạng bố trí cán bộ làm công tác mặt trận tùy tiện, áp đặt, không đáp ứng được yêu cầu và nhiệm vụ của Mặt trận. Củng cố hệ thống tổ chức mặt trận tư trung ương tới cơ sở đảm bảo đủ sức hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Mở rộng khối đại đoàn kết dân tộc bằng nhiều phong trào sinh động, phong phú từ thấp đến cao, từ nhỏ đến lớn, nhiều hình thức đáp ứng nhu cầu về nghề nghiệp và đời sống của các tầng lớp nhân dân. Hoạt động của Mặt trận phải thiết thực, hướng mạnh về cơ sở xã, phường, thị trấn, các khu dân cư. Có mô hình phù hợp với từng vùng, từng miền, từng loại đối tượng, khắc phục tình trạng hành chính, quan liêu; cải tiến hình thức, nội dung sinh hoạt và tập hợp nhân dân, nhất là ở cơ sở.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phải được xây dựng và củng cố thực sự là nơi hội tụ mọi trí tuệ, tập hợp mọi lực lượng nhân dân; là liên minh chính trị, là tổ chức liên hiệp tự nguyện rộng rãi nhất; là nơi phản ánh tập trung nhất nguyện vọng, lợi ích và quyền làm chủ của nhân dân, là sợi dây nối liền giữa nhân dân với Đảng và Nhà nước; là nơi tăng cường sự nhất trí về chính trị và tinh thần trong nhân dân; tham gia xây dựng và củng cố chính quyền,

là cơ sở chính trị của chính quyền, cùng Nhà nước chăm lo và bảo vệ lợi ích chính đáng của nhân dân, động viên nhân dân sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật.

Trong nền kinh tế nhiều thành phần, nhu cầu lợi ích của các tầng lớp nhân dân rất khác nhau, vì vậy các hình thức động viên, tập hợp lực lượng nhân dân phải đa dạng, phù hợp với nhu cầu và lợi ích của họ, hình thành mặt trận cho từng giới, từng tầng lớp, góp phần tích cực mở rộng hơn nữa mặt trận chung.

Mặt trận chỉ vững mạnh khi các tổ chức thành viên vững mạnh. vì thế, với tư cách là người lãnh đạo mặt trận, trong khi quan tâm xây dựng các tổ chức thành viên, Đảng cần tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức chính trị - xã hội, các đoàn thể, các hội hoạt động, đồng thời phải kiên quyết đấu tranh với những việc làm sai trái vi phạm quyền làm chủ của nhân dân.

Đẩy mạnh và nâng cao sự lãnh đạo của Đảng trong hệ thống chính trị

Hệ thống chính trị nước ta bao gồm Đảng, Nhà nước, các tổ chức chính trị xã hội, là hệ thống tổ chức lãnh đạo điều hành đất nước, là hình ảnh của khối đoàn kết dân tộc, đóng góp to lớn vào việc thực hiện chiến lược đại đoàn kết dân tộc. Trong hệ thống chính trị đó, sự lãnh đạo của Đảng là nguyên tắc, là yếu tố quyết định nhất. Bởi vậy để Đảng làm tròn nhiệm vụ trong giai đoạn mới, Đảng phải được xây dựng vững mạnh về mọi mặt, phải nâng cao hơn nữa vai trò, năng lực lãnh đạo của Đảng trong hệ thống chính trị.

Vai trò lãnh đạo đó thể hiện trước hết là sự đúng đắn của đường lối. Đường lối do Đảng đề ra phải kết hợp nhuần nhuyễn chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh và thực tiễn đất nước, trung thành với lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và cả dân tộc.

Vai trò lãnh đạo của Đảng còn được thể hiện ở đội ngũ cán bộ. Trong sự nghiệp đổi mới, thực hiện chiến lược đại đoàn kết dân tộc đòi hỏi

chúng ta phải có một đội ngũ cán bộ ngang tầm nhiệm vụ, trong sạch, vững mạnh, hết lòng phục vụ sự nghiệp cách mạng của Đảng, phục vụ nhân dân. Vì thế, công tác cán bộ, đặc biệt là việc đào tạo, bồi dưỡng, bố trí cán bộ ngày càng cấp bách. Đại hội Đảng lần thứ VIII nêu rõ: "Tình hình và nhiệm vụ mới đặt ra rất nhiều yêu cầu cho công tác cán bộ. Toàn Đảng phải hết sức chăm lo xây dựng thật tốt đội ngũ cán bộ, chú trọng đội ngũ cán bộ kế cận vững vàng, đủ bản lĩnh về các mặt. Sớm xây dựng chiến lược cán bộ của thời kỳ mới"¹. Sự nghiệp xây dựng đất nước trong những năm đổi mới vừa qua cho thấy, ở nơi nào có đội ngũ cán bộ trong sạch, vững mạnh thì ở đó huy động được sức mạnh to lớn của nhân dân thực hiện thắng lợi đường lối, chủ trương của Đảng. Ở đâu tình hình cán bộ có vấn đề thì ở đó nhân dân dễ bất bình, dễ xảy ra những "điểm nóng" phải xử lý. Vì vậy, việc xây dựng một đội ngũ cán bộ có bản lĩnh, ngang tầm nhiệm vụ cách mạng, góp phần thực hiện thắng lợi chiến lược đại đoàn kết dân tộc trong tình hình mới là nhiệm vụ vô cùng cấp thiết.

Để nâng cao sự lãnh đạo của Đảng, Đảng còn cần phải thường xuyên tự đổi mới, chỉnh đốn Đảng, đặc biệt là củng cố, tăng cường sự đoàn kết, trước hết Đảng phải đoàn kết nhất trí cao. Muốn trong Đảng có sự đoàn kết cần phải mở rộng dân chủ nội bộ đi đôi với đề cao kỷ luật của Đảng. Đảng phải thận trọng và kiên quyết đưa ra ngoài Đảng những đảng viên không còn đủ tư cách, kết nạp nhiều đảng viên mới được lựa chọn từ những quần chúng ưu tú, đào tạo lại đội ngũ cán bộ.

Bên cạnh những ưu điểm lớn, Đảng còn phải tìm cách khắc phục những mặt tồn tại trong xã hội và trong Đảng. Nếu không giải quyết tốt vấn đề đó sẽ gây khó khăn cho việc thực hiện chiến lược đại đoàn kết dân tộc như những biểu hiện phai nhạt lý tưởng, giảm sút lòng tin với Đảng, với chế độ; chạy theo lối sống thực dụng, sa đọa về tư cách, phẩm chất, đặc biệt là

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII. Nxb CTQG, H, 1996, tr.145.

tình trạng tham nhũng đang diễn ra với quy mô lớn và ngày càng nghiêm trọng.

* *

*

Trên đây là những nội dung chính của đề tài. Việc đánh giá và rút ra những thành công và cả những hạn chế về vấn đề Đại đoàn kết không ngoài mục đích phục vụ cho việc xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc đạt chất lượng cao hơn, phát huy đầy đủ sức mạnh của đại đoàn kết vào tiến trình phát triển đất nước hiện nay.

Từ kết quả nghiên cứu và trước những vấn đề mới cấp bách đang đặt ra, Đề tài xin kiến nghị với Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam một số vấn đề sau:

1. Lãnh đạo thật tốt việc nghiên cứu, tiếp tục làm rõ hơn về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Chiến lược đại đoàn kết có liên quan đến đường lối cách mạng đúng đắn. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng với Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ và tiếp đó là các Đại hội lần thứ VIII, IX, Đảng đã tiến một bước rất quan trọng trong nhận thức lý luận, chính trị, nhưng còn nhiều vấn đề đáng quan tâm.

Công cuộc đổi mới đất nước dưới sự lãnh đạo của Đảng ta đến nay đã được gần 20 năm. Bên cạnh những thành tựu không thể phủ nhận, thực tế cũng đã và đang nảy sinh nhiều vấn đề rất khó khăn, phức tạp khiến cho có không ít người hoài nghi, kém tin vào chủ nghĩa Mác - Lênin và chủ nghĩa xã hội; nhiều người có thiện chí, trung thực nhưng không khỏi lo lắng, băn khoăn khi thấy kinh tế quốc doanh làm ăn thua lỗ, kéo dài, không đảm nhiệm được vai trò chủ đạo nền kinh tế. Hoặc lo ngại trước việc đầu tư nước

ngoài tràn lan. Hoặc trước những tệ nạn, tiêu cực đang làm không ít cán bộ có chức có quyền, có trọng trách thoái hoá, biến chất ... nên con đường đổi mới đã đi chệch hướng.

Đảng, Nhà nước cần tiếp tục hoàn chỉnh, bổ sung những chính sách đã ban hành và nghiên cứu rất công phu về tính chất thời đại, tổng kết sâu sắc những vấn đề lý luận nhận thức về CNTB, CNXH, nhất là thực tiễn nước ta để tìm ra những lời giải đáp có tính thuyết phục, tạo nên sự nhất trí cao trong Đảng, trong nhân dân, đẩy lùi và chống lại có hiệu quả những luận điểm xuyên tạc, bôi đen chủ nghĩa xã hội của các thế lực thù địch.

Những vấn đề ở trên không phải xa vời nếu không làm rõ thì chiến lược đại đoàn kết dân tộc sẽ không có mục tiêu hoặc có nguy cơ đi chệch mục tiêu.

2. Lãnh đạo tốt việc thực hiện cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước.

Kinh tế thị trường có nhiều mặt tích cực, ưu điểm cần được sử dụng, phát huy. Nhưng kinh tế thị trường lại có những điểm mâu thuẫn với chủ nghĩa xã hội như khủng hoảng kinh tế chu kỳ, qui luật cạnh tranh, phân hoá giàu, nghèo. Đảng còn ít kinh nghiệm lãnh đạo nền kinh tế thị trường.

Đảng quan niệm phải tôn trọng qui luật khách quan nhưng không sùng bái qui luật. Vì thế, Đảng chủ trương thực hiện cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước, hạn chế mặt tiêu cực của cơ chế thị trường.

Đảng cần nghiên cứu sâu sắc nền kinh tế thị trường trong thời kỳ quá độ để có thể đưa ra những dự báo khoa học, làm tốt chức năng tư vấn cho sản xuất, kinh doanh, hạn chế rủi ro, nhất là khủng hoảng kinh tế chu kỳ, điều này nếu xảy ra sẽ gây khó khăn cho việc thực hiện chiến lược đại đoàn kết dân tộc.

3. Lãnh đạo việc nghiên cứu tốt hơn sự lãnh đạo của Đảng trong điều kiện Đảng cầm quyền.

Từ nhiều năm qua, trong các chỉ thị, nghị quyết của các kỳ đại hội, Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương, Đảng đều nhấn mạnh công tác xây dựng Đảng lên ngang tầm nhiệm vụ. Ngoài ra, Đảng còn phát động các cuộc vận động làm trong sạch Đảng với những đợt tự phê bình và phê bình tập trung, thường xuyên giáo dục đạo đức lối sống cho cán bộ, đảng viên, kết nạp những người ưu tú vào Đảng, sa thải những phần tử thoái hoá, biến chất ra khỏi Đảng dù họ ở bất cứ cương vị nào nhưng kết quả thu được không nhiều. Một số nơi, tình trạng suy thoái đạo đức, lối sống của cán bộ đã thực sự trở thành vấn đề chính trị. Có nơi mâu thuẫn giữa nhân dân và những cán bộ thoái hoá trở nên gay gắt, diễn biến phức tạp và kéo dài.

Tất cả những vấn đề trên đều đã được phản ánh khá rõ trong các "Báo cáo tổng kết công tác xây dựng Đảng từng năm, từng nhiệm kỳ ở các cấp bộ Đảng. Nhiều báo cáo tổng kết được chuẩn bị khá kỹ, có nhiều kết luận hay nhưng cũng chưa được thuyết phục. Nhiều người có cảm nhận phải chăng lý luận xây dựng Đảng có nhiều điều bất cập ? Phải chăng sự lãnh đạo của Đảng thiếu kiên quyết ?

4. Một số đề xuất có tính thời sự cấp bách hiện nay

- Kiên quyết chống tham nhũng, chống tham ô và lãng phí.

Cùng với việc nghiên cứu sự lãnh đạo của Đảng trong điều kiện Đảng cầm quyền, cần đặc biệt chống tệ tham nhũng, tham ô, lãng phí. Phải đấu tranh, xử phạt những kẻ tham nhũng theo đúng pháp luật kết hợp với đấu tranh trong chi bộ, trong Hội nghị công nhân viên chức, dựa trên những đơn thư tố cáo của quần chúng và qua các phương tiện thông tin đại chúng, tạo nên dư luận xã hội mạnh mẽ. Chống tham nhũng phải trở thành một phong trào quần chúng mới hy vọng có kết quả.

- Kiên quyết thực hiện phương châm nói phải đi đôi với làm. Hiện nay nhiều Nghị quyết của Đảng đề ra rất sâu sắc, kịp thời có giá trị cao chỉ đạo thực hiện. Nhưng khi truyền đạt và thực hiện nhiều cán bộ thừa hành đã

làm thay đổi tính chất của các nghị quyết và chính sách của Đảng và Nhà nước.

- *Việc làm cho những người chưa có công ăn việc làm là một vấn đề lớn.* Chúng ta chỉ có thể giải quyết được cùng với các chính sách kinh tế - xã hội. Nhưng phải tìm và tạo việc làm trong điều kiện và khả năng cho phép. Không có việc làm, đời sống khó khăn, lòng dân không yên là trở ngại cho việc thực hiện chiến lược đại đoàn kết dân tộc.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hồ Chí Minh, *Về đại đoàn kết*, Nxb CTQG, H, 1994.
2. Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 1, Nxb CTQG, H, 1995.
3. Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 2, Nxb CTQG, H, 1995.
4. Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 3, Nxb CTQG, H, 1995.
5. Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 4, Nxb CTQG, H, 1995.
6. Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 5, Nxb CTQG, H, 1995.
7. Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 6, Nxb CTQG, H, 1996.
8. Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 7, Nxb CTQG, H, 1996.
9. Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 8, Nxb CTQG, H, 1996.
10. Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 9, Nxb CTQG, H, 1996.
11. Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 10, Nxb CTQG, H, 1996.
12. Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 11, Nxb CTQG, H, 1996.
13. Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 12, Nxb CTQG, H, 1996.
14. GS,TS Nguyễn Trọng Chuẩn, PGS .TS Nguyễn Văn Huyền, *Giá trị truyền thống trước những thách thức của toàn cầu hoá*, Nxb CTQG, H, 2002.
15. GS,TS Phan Hữu Dật, *Mấy vấn đề lý luận và thực tiễn cấp bách liên quan đến mối quan hệ dân tộc hiện nay*, Nxb CTQG, H, 2001.
16. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 2, Nxb CTQG, H, 2002.
17. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 12, Nxb CTQG, H, 2001.
18. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 21, Nxb CTQG, H, 2002.

19. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, Nxb.ST, H, 1987.
20. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, Nxb.ST, H, 1991.
21. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb. CTQG, H, 2001.
22. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương (khoá IX)*, Nxb CTQG, H, 2003.
23. Trần Văn Giàu, *Các giá trị tinh thần truyền thống của dân tộc Việt Nam*, Nxb. KHXH, H, 1980.
24. TS Vũ Hiền, GS, TS Ngô Mạnh Lân, *Mấy vấn đề dân tộc giai cấp và toàn nhân loại*, Nxb CTQG, H, 1995.
25. Đỗ Quang Hưng (chủ biên), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc, tôn giáo và đại đoàn kết trong cách mạng Việt Nam*, Nxb Quân đội Nhân dân, H, 2003.
26. Trần Đình Hượu, *Đến hiện đại từ truyền thống*, Nxb Hà Nội, 1994.
27. Phan Huy Lê - Vũ Minh Giang, *Các giá trị truyền thống và con người Việt Nam hiện nay*, tập 1, Nxb , H, 1994.
28. Phan Huy Lê - Vũ Minh Giang, *Các giá trị truyền thống và con người Việt Nam hiện nay*, tập 2, Nxb , H, 1994.
29. Phan Huy Lê - Chung Á, *Các giá trị truyền thống và con người Việt Nam hiện nay*, tập 3, Nxb , H, 1994.
30. Đỗ Mười – Lê Quang Đạo, *Đại đoàn kết dân tộc vì sự nghiệp dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh*, Nxb CTQG, H, 1996.
31. Vũ Oanh, *Đại đoàn kết dân tộc phát huy nội lực nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước*, Nxb CTQG, H, 1998.

32. PGS,TS Nguyễn Trọng Phúc, *Một số kinh nghiệm của Đảng Cộng sản Việt Nam trong quá trình lãnh đạo sự nghiệp đổi mới*, Nxb CTQG, H, 2000.
33. Phùng Hữu Phú, *Chiến lược đại đoàn kết Hồ Chí Minh*, Nxb CTQG, H, 1995.
34. Phùng Hữu Phú, *Chiến lược đại đoàn kết dân tộc của Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nxb CTQG, H, 2003.
35. Nguyễn Cơ Thạch, *Thế giới trong 50 năm qua (1945 - 1995) và thế giới trong 25 năm tới (1996 – 2020)*, Nxb CTQG, H, 1998.
36. Lê Ngọc Thắng, Lâm Bá Nam, *Bản sắc văn hoá các dân tộc Việt Nam*, Nxb Văn hoá dân tộc, H, 1990.
37. Hồ Vũ, *Vài suy ngẫm về thế giới trong thế kỷ XX và thế kỷ XXI*, Nxb CTQG, H, 2000.
38. Lê Văn Yên, *Hồ Chí Minh với chiến lược đại đoàn kết quốc tế trong cách mạng giải phóng dân tộc*. Nxb Quân đội nhân dân, H, 1998.